

Số: 1575/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)**

#### **GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Căn cứ Công văn số 4239/ĐHQGHN-ĐT ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc đồng ý cho đơn vị kí quyết định ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và của Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành tại Công văn số 1255/KHLN-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2023.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Di sản học, mã số: Thí điểm.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Di sản học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2023 của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành và trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (đề b/c);
- Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Hải (đề b/c);
- Lưu: VT, ĐT, H5.

**TU. GIÁM ĐỐC  
CHỦ NHIỆM KHOA CÁC KHOA HỌC  
LIÊN NGÀNH**



**Nguyễn Văn Hiệu**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 4515/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 11 năm 2023  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

NGÀNH:	Liên ngành
MÃ SỐ:	Thí điểm
CHUYÊN NGÀNH:	Di sản học

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Di sản học
  - + Tiếng Anh: Heritage Studies
- Mã số chuyên ngành đào tạo: Ngành đào tạo thí điểm
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Tiến sĩ chuyên ngành Di sản học
  - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Heritage Studies

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Cách tiếp cận của chương trình đào tạo

Tiến sĩ Di sản học của Khoa Các khoa học liên ngành là một chương trình đào tạo các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lí những kiến thức hệ thống và chuyên sâu về di sản. Chương trình sử dụng cách tiếp cận liên ngành để khám phá mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố lịch sử, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật, địa lý, môi trường, thiên nhiên, kinh tế-xã hội với di sản. Theo đó, cách tiếp cận của chương trình đào tạo là: *Nghiên cứu, đào tạo, quản lí, bảo vệ, phát huy các giá trị di sản cho hiện tại và tương lai bằng tiếp cận liên ngành với mục tiêu phát triển bền vững, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.*

## **2.2. Mục tiêu chung**

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao để đảm bảo các vị trí quan trọng về mặt chuyên môn trong các cơ quan, đơn vị, trường đại học liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, quản lý, bảo vệ di sản, có tư duy và cách tiếp cận liên ngành, có khả năng sáng tạo tri thức mới, năng lực giải quyết các vấn đề về di sản theo hướng phát triển bền vững, góp phần xây dựng nền kinh tế tri thức, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

## **2.3. Mục tiêu cụ thể**

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về di sản có:

O1. Kiến thức chuyên môn tiên tiến, chuyên sâu, gắn với thực tiễn về di sản với tư duy và cách tiếp cận liên ngành;

O2. Khả năng vận dụng các phương pháp, công cụ hỗ trợ nghề nghiệp để có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, điều hành, quản lý, hoạch định chính sách về di sản;

O3. Khả năng kết nối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có liên quan để giải quyết các vấn đề về di sản trong thực tiễn, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh đương đại.

## **3. Thông tin tuyển sinh**

### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo qui định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3.2. Đối tượng dự tuyển**

#### **3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp**

Đối tượng tuyển sinh cho chương trình đào tạo tiến sĩ Di sản học cần đáp ứng các điều kiện về văn bằng như sau:

Đã tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Di sản học.

#### **3.2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu**

1. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng, hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức, hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

2. Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

3. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

### **3.2.3. Yêu cầu về thâm niên công tác**

Có tối thiểu 01 năm (12 tháng) công tác trong lĩnh vực liên quan đến di sản đối với thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp thuộc nhóm đối tượng phải bổ sung kiến thức.

### **3.2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ**

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận;

d) Người dự tuyển ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phải có năng lực về ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác ở trình độ tương đương như quy định

tại điểm a, b, c nêu trên.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### 3.3. Danh mục các nhóm ngành, ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

**Nhóm 1.** Ngành phù hợp cho thí sinh từ cử nhân

Quản trị tài nguyên di sản (mã ngành đào tạo thí điểm).

**Nhóm 2.** Ngành phù hợp cho thí sinh có bằng thạc sĩ (nhóm không phải bổ sung kiến thức)

Di sản học (mã ngành đào tạo thí điểm).

**Nhóm 3.** Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam (82201), Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài (82202), Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng (83203), Mỹ thuật (82101), Mỹ thuật ứng dụng (82104), Địa lý học (83105), Khu vực học (83106), Báo chí và truyền thông (83201), Xã hội học và Nhân học (83103), Du lịch (88101); Văn học (8229030), Ngôn ngữ học (8229020), Văn hoá học (8229040), Văn hoá dân gian (8229041), Quản lý văn hoá (8229042), Văn hóa so sánh (8229043), Tôn giáo học (8229009), Khảo cổ học (8229017), Lịch sử Việt Nam (8229013), Quản lý giáo dục (8140114); Giáo dục và phát triển cộng đồng (8140113), Nghệ thuật trình diễn (82102), Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam (8220109), Văn học dân gian (8220125), Xuất bản (8320401), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (8810103) phải học bổ sung kiến thức gồm 06 học phần sau đây (18 tín chỉ):

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Nhập môn di sản học	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Nhận diện loại hình, đánh giá giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại	3	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Công ước, chính sách và quản trị tài nguyên di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Khảo cổ học và di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Di sản học về thiên nhiên và cảnh quan	3	Khoa Các khoa học liên ngành
6	Di sản số và nhân văn số	3	Khoa Các khoa học liên ngành
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>	

**Nhóm 4.** Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành Kinh tế học (8310101), Kinh tế đầu tư (8310104), Kinh tế phát triển (8310105), Quản lý kinh tế

(8310110), Chính sách công (8340402), Luật (8380101), Luật kinh tế (8380107), phải học bổ sung kiến thức gồm 07 học phần sau đây (21 tín chỉ):

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Nhập môn di sản học	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Nhận diện loại hình, đánh giá giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại	3	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Công ước, chính sách và quản trị tài nguyên di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Khảo cổ học và di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Nghiên cứu văn hóa và di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
6	Di sản học về thiên nhiên và cảnh quan	3	Khoa Các khoa học liên ngành
7	Di sản số và nhân văn số	3	Khoa Các khoa học liên ngành
	<b>Tổng</b>	<b>21</b>	

**Nhóm 5.** Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành Thông tin - Thư viện (83202), Công tác xã hội (87601), Quản lý tài nguyên và môi trường (88501), Khoa học môi trường (84403); các ngành: Khoa học quản lý (8340401), Quản lý công (8340403), Hệ thống thông tin quản lý (8340405), Địa chất học (8440201), Địa lí tự nhiên (8440217), Địa mạo và cổ địa lý (8440218), Địa lý tài nguyên và môi trường (8440220), Công nghệ thông tin (84802), Kiến trúc (8580101), Quy hoạch vùng và đô thị (8580105), Quản lý đô thị và công trình (8580106), Đô thị học (8580112), Quan hệ quốc tế (8310206), Quản lý phát triển đô thị (mã số thí điểm), Khoa học bền vững (mã số thí điểm) phải học bổ sung kiến thức gồm 07 học phần sau đây (21 tín chỉ):

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Nhập môn di sản học	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Nhận diện loại hình, đánh giá giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại	3	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Công ước, chính sách và quản trị tài nguyên di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Khảo cổ học và di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Lượng giá kinh tế về di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
6	Nghiên cứu văn hóa và di sản	3	Khoa Các khoa học liên ngành
7	Di sản số và nhân văn số	3	Khoa Các khoa học liên ngành
	<b>Tổng</b>	<b>21</b>	

Trường hợp trong bảng điểm ở bậc thạc sĩ của thí sinh có học phần trùng với các học phần bổ sung kiến thức thì sẽ được xem xét để miễn học bổ sung học phần đó.

### 3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Tuyển sinh theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội giao hàng năm.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Yêu cầu về chất lượng luận án**

Yêu cầu về chất lượng luận án thể hiện qua việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn. Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

### **2. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

K1. Kết hợp được các kiến thức cốt lõi, nền tảng và nâng cao trong các vấn đề liên ngành về di sản trong nghiên cứu và thực tiễn;

K2. Vận dụng sáng tạo được các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu nâng cao, các phương pháp tổng hợp, xử lí dữ liệu, phân tích định tính và định lượng về di sản, các mối quan hệ của di sản trong bối cảnh xã hội, chính trị, kinh tế, mối quan hệ giữa nhà nước và cộng đồng về di sản, cũng như trong tương quan với các tác nhân chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường;

K3. Vận dụng được các kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, kiến thức về quản trị tổ chức trong triển khai các hoạt động nghiên cứu và bảo vệ di sản.

### **3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

S1. Khám phá, tổng hợp và cập nhật được các phương pháp luận, lý thuyết về di sản học;



S2. Phát hiện được các vấn đề cần giải quyết trong nghiên cứu và thực tiễn về di sản từ cách tiếp cận của liên ngành;

S3. Vận dụng được các phương pháp, công cụ hỗ trợ, đặc biệt là các công cụ công nghệ thông tin phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của di sản;

S4. Đưa ra được các phân tích, phản biện mang tính chuyên gia đối với các vấn đề liên ngành về di sản;

S5. Đề xuất được các giải pháp và xử lý vấn đề về di sản mang tính chuyên gia một cách sáng tạo và tham gia vào quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách về di sản ở các cấp độ và quy mô khác nhau;

S6. Tổ chức và quản lí, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển các bài toán nghiên cứu về di sản;

S7. Huy động được sự tham gia của chính quyền, cơ quan ban ngành, các tổ chức thế giới, các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng trong công tác quản lí, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, cũng như khả năng kết nối các cơ quan ban ngành, tổ chức và cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh với cộng đồng trong công tác liên quan đến di sản;

S8. Viết báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu về di sản;

S9. Thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tối thiểu Bậc 4 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Đọc được các báo cáo phức tạp và trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Trong trường hợp ngoại ngữ khác tiếng Anh thì người học cần sử dụng được Tiếng Anh ở mức độ trình bày mạch lạc và có thể thảo luận các vấn đề chuyên môn bằng Tiếng Anh.

#### **4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

R1. Có năng lực nghiên cứu và sáng tạo tri thức mới;

R2. Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới về di sản trong những hoàn cảnh phức tạp;

R3. Có khả năng thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn về di sản trong các nhóm nghiên cứu;

R4. Đưa ra được các phán quyết, quyết định mang tính chuyên gia đối với các vấn đề về di sản;

R5. Có năng lực quản lí, điều hành và có trách nhiệm cao trong học tập để phát triển tri thức một cách chuyên nghiệp, có chuyên môn.

## 5. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Tiến sĩ Di sản học có thể đảm nhận các vị trí công tác theo bốn nhóm chính là: (1) Nghiên cứu; (2) Giảng dạy; (3) Tư vấn và hoạch định chính sách; và (4) Phát triển dự án (theo hướng ứng dụng).

Tiến sĩ ngành Di sản học có thể đảm nhiệm những vị trí lãnh đạo, quản lý ở một số cơ quan:

Cán bộ nghiên cứu, giảng viên thỉnh giảng/cơ hữu tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng.

Chuyên viên cao cấp, phụ trách chuyên môn, tư vấn chính sách tại các cơ quan quản lý văn hóa như Văn phòng chính phủ, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân các cấp; Bộ Ngoại giao, Ủy ban Văn hóa đối ngoại; các đơn vị, cơ quan có chức năng hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách trong khối nhà nước và tư nhân;

Cán bộ phụ trách chuyên môn tại các cơ quan thực hành liên quan đến di sản: bảo tàng, thư viện; Các Ban quản lý di tích và danh thắng các cấp; Các vườn quốc gia;

Lãnh đạo, quản lý phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ tại các doanh nghiệp, đơn vị dịch vụ của công nghiệp di sản trong khối nhà nước và tư nhân;

Lãnh đạo, quản lý phụ trách chuyên môn tại các cơ quan thông tấn, báo chí và truyền thông và các tổ chức phi chính phủ;

Lãnh đạo, quản lý phụ trách chuyên môn tại các tổ chức xã hội, tổ chức cộng đồng thực hành di sản từ thấp đến cao, các tổ chức quốc tế liên quan đến di sản;

Giám đốc phụ trách về xây dựng dự án, đề tài hợp tác quốc tế, cấp nhà nước, cấp Bộ, Ban, ngành, địa phương về bảo vệ, ứng dụng, đầu tư và phát triển di sản.

## 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Nghiên cứu nâng cao và chuyên sâu các vấn đề chuyên môn ở quy mô khu vực và quốc tế;

Kết nối với mạng lưới nghiên cứu, giảng dạy quốc tế để trao đổi tri thức và giải quyết các vấn đề di sản thực tiễn được đặt ra ở Việt Nam và trong khu vực.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

#### 1.1. Đối với NCS từ cử nhân

Thí sinh có bằng cử nhân từ loại giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp (nhóm 1) được phép dự tuyển. Sau khi trúng tuyển, NCS phải học bổ sung kiến thức 36 tín chỉ của chương trình thạc sĩ Di sản học, trừ học phần ngoại ngữ và luận văn.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **134 tín chỉ**, trong đó:

Phần 1: Các học phần bổ sung: **36 tín chỉ**

- + *Khối kiến thức chung*: **3 tín chỉ**
- + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 33 tín chỉ
  - *Bắt buộc*: 18 tín chỉ
  - *Tự chọn*: 15/39 tín chỉ

Phần 2: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: **10 tín chỉ**

- *Bắt buộc*: 6 tín chỉ
- *Tự chọn*: 4/10 tín chỉ

Phần 3: Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và nghiên cứu khoa học: **8 tín chỉ**

- + *Các chuyên đề tiến sĩ*: **6 tín chỉ**
- + *Tiểu luận tổng quan*: **2 tín chỉ**
- + *Nghiên cứu khoa học*: là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.

Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

Phần 5: Luận án tiến sĩ: **80 tín chỉ**

### **1.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **98 tín chỉ**, trong đó:

Phần 1: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: **10 tín chỉ**

- *Bắt buộc*: 6 tín chỉ
- *Tự chọn*: 4/10 tín chỉ

Phần 2: Chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan và nghiên cứu khoa học: **8 tín chỉ**

- + *Các chuyên đề tiến sĩ*: **6 tín chỉ**
- + *Tiểu luận tổng quan*: **2 tín chỉ**
- + *Nghiên cứu khoa học*: là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.

Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

Phần 4: Luận án tiến sĩ: **80 tín chỉ**

## 2. Khung chương trình

## 2.1. Khung chương trình dành cho NCS từ cử nhân

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>3</b>				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	45	0	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>33</b>				
<i>II.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>18</i>				
2	HES6001	Nhập môn di sản học <i>Introduction to Heritage Studies</i>	3	30	15	0	
3	HES6002	Nhận diện loại hình, đánh giá giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại <i>Heritage Identification and Evaluation in the Context of Modernization</i>	3	30	15	0	
4	HES6003	Công ước, chính sách và quản trị tài nguyên di sản <i>Heritage Conventions, Policies and the Governance of Heritage Resources</i>	3	30	15	0	
5	HES6004	Khảo cổ học và di sản <i>Archeology and Heritage</i>	3	30	15	0	
6	HES6005	Nghiên cứu văn hóa và di sản <i>Cultural Studies and Heritage</i>	3	30	15	0	
7	HES6007	Di sản số và nhân văn số <i>Digital Heritage and Digital Humanities</i>	3	25	20	0	
<i>II.2</i>	<i>Các học phần tự chọn</i>		<i>15/39</i>				
8	HES6006	Di sản học về thiên nhiên và cảnh quan <i>Heritage Studies of Nature and Landscape</i>	3	30	15	0	
9	HES6009	Lượng giá kinh tế về di sản <i>Economic Valuation of Heritage</i>	3	30	15	0	
10	HES6008	Bảo tồn và phát triển di sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu <i>Heritage Safeguarding and Development in the Context of Climate Change</i>	3	30	15	0	
11	SIS6001	Nhập môn khoa học bền vững <i>Introduction to Sustainability Science</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12	HES6010	Quản lý và bảo vệ di sản dựa vào cộng đồng <i>Community-based Heritage Management and Safeguarding</i>	3	30	15	0	
13	HES6011	Truyền thông di sản <i>Heritage Communication</i>	3	30	15	0	
14	HES6012	Giáo dục di sản <i>Heritage Education</i>	3	30	15	0	
15	HES6013	Du lịch di sản và phát triển bền vững <i>Heritage Tourism and Sustainable Development</i>	3	30	15	0	
16	HES6014	Bảo tồn di sản đô thị <i>Urban Heritage Protection</i>	3	30	15	0	
17	HES6015	Bảo tồn di sản kiến trúc <i>Architecture Heritage Protection</i>	3	30	15	0	
18	HES6016	Di sản nghệ thuật Việt Nam <i>Art Heritage in Vietnam</i>	3	30	15	0	
19	HES6017	Di sản ngôn ngữ và văn tự Việt Nam <i>Language and Literary Heritage in Vietnam</i>	3	30	15	0	
20	HES6018	Di sản tín ngưỡng và tôn giáo <i>Belief and Religious Heritage</i>	3	30	15	0	
21	SIS 6002	Phương pháp nghiên cứu liên ngành <i>Methods in Interdisciplinary Research</i>	3	25	20	0	
<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ</b>							
<b>I.</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>6</b>				
22	HES8015	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao <i>Advanced Research Methods</i>	3	30	15	0	
23	HES8016	Lý thuyết nghiên cứu di sản <i>Theories of Heritage Studies</i>	3	30	15	0	
<b>II.</b>	<b>Tự chọn</b>		<b>4/10</b>				
24	HES8017	Quản trị và định chế di sản <i>Heritage Governance and Regime</i>	2	20	10	0	
25	HES8018	Lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể <i>Theories and Approaches to Intangible Cultural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
26	HES8019	Lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu di sản văn hóa vật thể <i>Theories and Approaches to Tangible Cultural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	
27	HES8020	Lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu di sản thiên nhiên <i>Theories and Perspectives to Natural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	
28	HES8021	Ứng dụng và phát triển di sản trong xã hội đương đại <i>The Application and Development of Heritage in - Contemporary Society</i>	2	20	10	0	

### PHẦN 3. CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

29	SIS8022	Chuyên đề 1	3	0	45	0	
30	SIS8023	Chuyên đề 2	3	0	45	0	
31	SIS8024	Chuyên đề 3	3	0	45	0	
32	SIS8025	Tiểu luận tổng quan	2	0	30	0	

### PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.

### PHẦN 5: LUẬN ÁN TIẾN SĨ

33	SIS9002	Luận án Tiến sĩ	80				
		Tổng	134				

## 2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp

PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ							
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I.</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>6</b>				
1	HES8015	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao <i>Advanced Research Methods</i>	3	30	15	0	
2	HES8016	Lý thuyết nghiên cứu di sản <i>Theories of Heritage Studies</i>	3	30	15	0	
<b>II.</b>	<b>Tự chọn</b>		<b>4/10</b>				
3	HES8017	Quản trị và định chế di sản <i>Heritage Governance and Regime</i>	2	20	10	0	

4	HES8018	Lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể <i>Theories and Approaches to Intangible Cultural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	
5	HES8019	Lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu di sản văn hóa vật thể <i>Theories and Approaches to Tangible Cultural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	
6	HES8020	Lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu di sản thiên nhiên <i>Theories and Perspectives to Natural Heritage Studies</i>	2	20	10	0	
7	HES8021	Ứng dụng và phát triển di sản trong xã hội đương đại <i>The Application and Development of Heritage in Contemporary Society</i>	2	20	10	0	

### PHẦN 3. CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

8	SIS8022	Chuyên đề 1	3	0	45	0	
9	SIS8023	Chuyên đề 2	3	0	45	0	
10	SIS8024	Chuyên đề 3	3	0	45	0	
11	SIS8025	Tiểu luận tổng quan	2	0	30	0	

### PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.

### PHẦN 4: LUẬN ÁN TIỀN SĨ

12	SIS9002	Luận án Tiến sĩ	80				
		Tổng	98				

**Lưu ý:** Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.

Huy